

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Bà Dương Xuân Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Tạ Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4-2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th thường xuyên bỏ nhà đi từ 02 đến 03 ngày mới về nhà một lần, không chăm lo cho cuộc sống gia đình từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ly thân từ tháng 7-2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung tên Tạ Thị Cẩm A, sinh ngày 02-10-2000 và Tạ Minh B, sinh ngày 25-8-2002. Hiện tại, cháu B đang sống với anh, còn cháu A đi làm ở nước Malaysia nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu A, cháu B cho chị Th nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ của Ngân hàng H - Phòng giao dịch huyện Bến Cầu số tiền 4.800.000 đồng và bảo lãnh cho ông Tạ Văn C vay tiền tại Ngân hàng K – Chi nhánh huyện Bến Cầu. Ngoài ra, không còn nợ ai khác. Đối với số tiền nợ Ngân hàng H đã trả xong, không yêu cầu giải quyết. Đối với hợp đồng bảo lãnh yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị Th đã khai: Về quan hệ hôn nhân chị Th thống nhất như anh T trình bày nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ tình cảm từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm và thời gian ly thân đã lâu nên chị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tạ Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung tên Tạ Thị Cẩm A, sinh ngày 02-10-2000 và Tạ Minh B, sinh ngày 25-8-2002, cháu B đang sống với anh T, cháu A đi làm ở nước Malaysia nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B, cháu A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị thống nhất như ý kiến trình bày của anh T. Đối với số tiền nợ Ngân hàng H – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu 4.800.000 đồng thì anh T đã trả xong nên không đặt ra giải quyết. Đối với hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng K - Chi nhánh huyện Bến Cầu chị yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn T đối với chị Nguyễn Thị Th.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Anh Tạ Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Th, chị Th có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Th là hợp pháp.

[2]. Về hôn nhân: Anh T và chị Th chung sống như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh T và chị Th có đủ điều kiện nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay anh T và chị Th không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh T và chị Th không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Áp dụng khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình, cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Tạ Văn T và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh T và chị Th thống nhất có hai con chung tên Tạ Thị Cẩm A, sinh ngày 02-10-2000 và Tạ Minh B, sinh ngày 25-8-2002. Đối với cháu A hiện đang sống tại Malaysia nhưng anh T, chị Th không biết địa chỉ cụ thể nên không làm việc được, đối với cháu B có nguyện vọng sống với chị Th. Anh T và chị Th tự nguyện thỏa B giao cháu A và cháu B cho chị Th nuôi dưỡng. Hội đồng xét thấy, việc thỏa B giữa anh T và chị Th là phù hợp với nguyện vọng của cháu B, đảm bảo điều kiện về vật chất, tinh thần cho con chung nên giao hai con chung cho chị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Anh T và chị Th tự thỏa thuận nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh T và chị Th thống nhất nợ Ngân hàng H – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu số tiền 4.800.000 đồng nhưng đã trả xong vào ngày 24-8-2018. Đối với hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng K – Chi nhánh huyện Bến Cầu đề nghị tiếp tục thực hiện. Quá trình làm việc với Ngân hàng H và Ngân hàng K đề nghị không tham gia tố tụng, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Tạ Văn T và chị Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thị Cẩm A, sinh ngày 02-10-2000 và Tạ Minh B, sinh ngày 25-8-2002 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Tạ Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: **0021547** ngày 13-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Tạ Văn T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng theo trình tự thủ phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu